

Vua và Vương Quyền

Theo tinh thần của Phật giáo, một vị vua tốt là một vị vua xem dân như con, thương yêu và quan tâm đến dân chúng, lo cho sự bình an và hạnh phúc của dân chúng, dùng đức để cảm hóa mọi người, chiêu mộ hiền tài đến phò vua, giúp nước.

Một vị vua là một người cai trị thuộc dòng dõi hoàng gia. Đức Phật xác định, một vị vua là *"vị thủ lĩnh của những người dân ông"*.

Các tôn giáo khác nhau có những lý luận khác nhau về nguồn gốc và bản chất của một vị đế vương. Ví dụ, Kinh Thánh nói rằng, tất cả các nhà lãnh đạo có được quyền lực của mình từ Thiên Chúa, do đó, tuân theo lệnh của vua là tuân theo Đức Chúa Trời. Tại châu Âu, học thuyết này đã được gọi là *"Quyền thiêng liêng của các vị vua"*. Khổng giáo cũng đưa ra một quan niệm tương tự, gọi là *"Sự ủy nhiệm của Trời"*. Theo Thần đạo (Shinto) và Bà-la-môn giáo, về sau gọi là Ấn Độ giáo, các vị vua được xem như các thần linh. Bởi vì những quan niệm như thế cho nên tính hợp pháp của một vị vua không bắt nguồn từ việc vị đó có phù hợp với việc trị vì đất nước hay không, mà là từ sự đồng ý hay sự phê duyệt của thần linh.

Đức Phật có một khái niệm hoàn toàn khác và thực tế hơn về vua và vương quyền. Trong kinh **Khởi Thế Nhân Bổn**, Ngài thừa nhận học thuyết khế ước xã hội của chế độ quân chủ. Trong thời cổ đại mà Ngài đã nói, người dân thấy rõ sự cần thiết đối với một số hình thức của chính phủ, do đó họ bầu chọn trong dân chúng một người mà họ nghĩ sẽ là người tốt nhất có thể nắm giữ vai trò trị nước an dân. Theo truyền thuyết của Ấn Độ giáo, vị vua đầu tiên của Ấn Độ là **Mahāsammata**, một vị vua đã được lên ngôi theo hình thức *"được bầu chọn bởi số đông"*. Vì vậy, theo triết lý Phật giáo, các vị vua có nguồn gốc hợp pháp của họ từ sự đồng

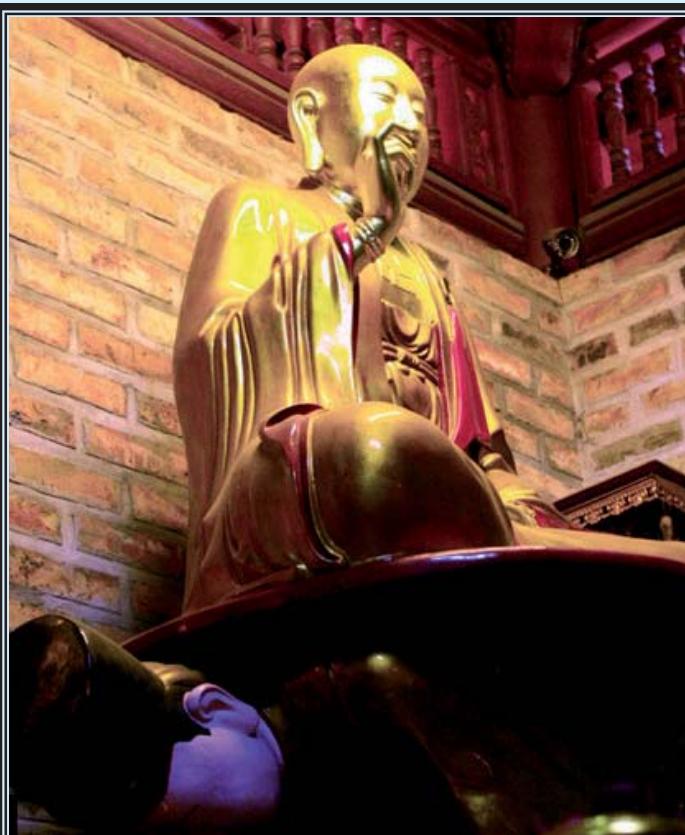
thuận của số đông, chẳng hạn như sự đồng ý của những người mà họ cai trị. Theo đó thì một vị vua chỉ giữ được quyền cai trị của mình chỉ khi những người dân mà họ cai trị có được lợi lạc từ sự cai trị của họ. Một số câu chuyện trong **Jataka** (*Chuyện tiền thân của Phật*) ngầm cho thấy *"người dân có quyền lật đổ một ông vua tàn bạo, bất công hoặc không đủ năng lực cai trị."*

giáo. Điểm nhấn chung mà kinh sách đưa ra là *các vị vua thường chuyên chế, độc đoán, bê tha và tàn nhẫn; rằng vua chúa là những người hay thay lòng đổi dạ; vua chúa là những người độc ác; rằng vua chúa như những đám cháy dữ dội, rất nguy hiểm và khó gần gũi. Một số vị vua được mô tả như là *hạt bụi trong mắt*, như *hạt sạn trong tô súp*, như *cái gai trong gót chân*.* Khi vua Milinda hỏi

Tỳ-kheo Na Tiên, liệu hai người có thể thảo luận về Pháp (Dhamma) hay không, Tỳ-kheo Na Tiên trả lời rằng: *"Tâu bệ hạ, tôi sẽ thảo luận với Ngài nếu Ngài thảo luận với tư cách là một người có học thức chứ không phải với tư cách của một vị vua"*. Vua Milinda hỏi, 2 phương pháp tiếp cận ấy khác nhau như thế nào ? Tỳ-kheo Na Tiên trả lời : *"Khi người học thức thảo luận thì những tín điều bị lật ngược, lý luận thì được làm sáng tỏ, những lời khẳng định bị bác bỏ, những ý tưởng thì được chấp nhận, các luận điểm được đưa ra và các luận điểm khác được nêu lên để phản bác lại. Khi các vị vua thảo luận, họ nói điều gì đó và trường phái bắt cứ ai không đồng ý với điều đó"*.

Cho dù các vị vua là tốt hay xấu, họ đều có quyền lực lớn và Đức Phật đã bổ sung một số giáo lý của Ngài để tránh xung đột với họ. Chiều theo các vị vua, Đức Phật nói rằng, một người không thể tham gia vào Tăng đoàn cho đến khi nào họ đã hoàn thành những nghĩa vụ mà họ phải làm cho đất nước, và giới luật có thể được thay đổi nếu nhà vua yêu cầu thay đổi. Đồng thời, Ngài nói với các vị Tăng Ni cần phải tránh xa các công việc triều chính để đừng dính líu đến tất cả những mưu đồ, sự đố ky và những cám dỗ của chúng.

Ba vị vua xuất hiện thường xuyên nhất trong kinh điển đó là vua Ba Tư Nặc của nước Kiều-tất-la, vua Tân Bà Sa La của nước Ma-kiết-dà và vua A Xà Thế, con trai của vua Tân Bà Sa La. Khoảng hai năm sau khi thành



Đây là bức tượng độc đáo nhất của văn hóa Phật giáo Việt Nam, mang tính cách lịch sử Việt. Pho tượng Vua Jayavarman VII phủ phục dưới Phật, để thể hiện sự sám hối lỗi lầm và sửa mình một cách cẩn trọng của ông.

Những ý tưởng như vậy là đi trước thời đại quá xa và có rất ít bằng chứng cho thấy rằng chúng đã từng được áp dụng. Tuy nhiên, những lời dạy của Đức Phật về 1 bộ máy chính quyền tốt đã ít nhiều ảnh hưởng trong việc tạo ra những vị vua nhân từ hơn. Ví dụ hay nhất về điều này là vua A Dục, một vị vua hoàn toàn chân thực khi nói : *"Tôi là người dân là con cái của tôi. Tôi muốn cho họ những gì mà tôi muốn dành cho con cái của riêng tôi, đem đến lợi ích và hạnh phúc cho họ trong đời này và đời sau"*.

Tam Tạng kinh điển và kinh sách về sau luôn khuyên bảo các vị vua tuân thủ những giá trị đạo đức Phật

đạo, Đức Phật gặp vị vua đầu tiên là vua **Ba Tư Nặc** ở thành Xá-vệ, kinh đô của vương quốc **Kiều-tát-la**. Cảm phục sâu sắc trước những lời giảng của Đức Phật, nhà vua và hoàng hậu **Mat Lợi** nhanh chóng trở thành hai vị đệ tử tại gia thuần tín nhất của Đức Phật. Nhiều bài giảng trong Tam tạng ghi lại những cuộc trò chuyện giữa Đức Phật và vua Ba Tư Nặc. Hầu như tất cả những bài kinh trong **chương một** của **Tương Ưng Bộ kinh** là lưu giữ những cuộc trò chuyện đó. Việc vận dụng một cách chân thực những lời Phật dạy vào trong đời sống hàng ngày của vua Ba Tư Nặc được minh họa tốt hơn hết là thông qua việc kính trọng Đức Phật, và khoan dung đối với các tôn giáo khác. Theo sử sách, vua Ba Tư Nặc có hai người con trai, trong đó, người con trai **Brahmadatta** đã xuất gia theo Phật.

Vua **Tân Bà Sa La** lên ngôi lúc mới 15 tuổi và trị vì đất nước trong 52 năm. Vua đã gặp thái tử **Tất Đạt Đa** 1 thời gian ngắn lúc thái tử còn là một du tăng khổ hạnh, và gặp 1 lần khác là khoảng chừng 1 năm sau khi Đức Phật thành đạo, rồi nhiều lần sau đó nữa. Vua Tân Bà Sa La đã cúng dường Đức Phật khu vườn mà vua yêu quý nhất, đó là rừng Trúc, và khu vườn ấy về sau trở thành một khu tự nhiên để Đức Phật và chư Tăng tu tập, gọi là **Trúc Lâm tự nhiên**. Truyền thống Phật giáo cho rằng, vua Tân Bà Sa La là 1 Phật tử thuần thành. Nhưng giống như nhiều vị vua khác của Ấn Độ, vua Tân Bà Sa La cũng hỗ trợ tất cả các tôn giáo và những tôn giáo ấy đều tuyên bố nhà vua là 1 trong những tín đồ của họ.

Trong khi Đức Phật xem vua **Tân Bà Sa La** là một vị vua anh minh, thì con trai của vua, vua **A Xà Thế** được mô tả trong kinh điển là một vị vua tàn nhẫn, âm mưu và lầm thủ đoạn. Ông đã giết chết cha mình để có được ngai vàng và hỗ trợ **Đè Bà Đạt Đa** trong việc mưu hại Đức Phật. Ông còn có tham vọng bành trướng lãnh thổ. Vua A Xà Thế đã kích động một cuộc chiến tranh với nước **Kiều-tát-la** và cuộc chiến ấy đã trở thành một thảm họa cho vua, và vua A Xà Thế còn cung cố thị trấn biên cương **Pātaligāma** để chuẩn bị cho cuộc xâm lăng **Vajji**. Ngoài ra, còn có một tài liệu khác cho thấy việc vua A Xà Thế cung cố các bức tường thành ở kinh đô vì lo ngại các nước láng giềng sẽ tấn công nước Ma-kiết-dà. Cũng trong thời gian đó, vua A Xà Thế bị ám ảnh bởi việc vua đã ra tay sát hại cha mình và đến cầu xin

Đức Phật hóa giải nỗi ám ảnh đó. Lịch sử ghi lại rằng, vua A Xà Thế cai trị đất nước trong 35 năm và cuối cùng đã bị sát hại bởi con trai mình, hoàng tử **Udāyibhadda**.

Như vậy, theo tinh thần của Phật Giáo, một vị vua tốt là một vị vua

xem dân như con, thương yêu và quan tâm đến dân chúng, lo cho sự bình an và hạnh phúc của dân chúng, dùng đức để cảm hóa mọi người, chiêu mộ hiền tài đến phò vua, giúp nước.

Shravasti Dhammika-Minh Nguyên dịch

Trí Thức Phải Nói

Kính thưa quý vị,

Hân hạnh gửi đến quý vị một vài ý nghĩa phiến diện về những điều đề nặng tâm trí tôi trong suốt thời gian ở tù. Nhưng điều trước tiên tôi muốn bày tỏ ở đây là sự tri ân của tôi đối với đồng bào hải ngoại, với sự cộng tác của quốc tế, đã can thiệp một cách có hiệu quả khiến cho bản án tử hình dành cho tôi trở thành bản cáo trạng dành cho những người tự cho có quyền xét xử tôi và phán xét những người đã hành động theo lương tâm. Tiếp theo, sự can thiệp đã khiến cho Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam phải tuyên bố trả tự do cho tôi, nhưng nhiều người bạn tù của tôi vẫn còn bị khổ trong các trại tù. Trong số đó có nhiều người bị giam cầm gần 25 năm, vượt quá thời hạn mà luật Hình sự của Nhà nước Việt Nam quy định đối với việc thi hành các bản án giam giữ có thời hạn.

Ở đây, tôi cũng xin bày tỏ sự cảm kích sâu xa đối với các cộng đồng Việt Nam hải ngoại đang đấu tranh cho một nước Việt Nam trong sáng và tự do. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các nhân sĩ Hòa Lan, trong tình cảm nhân loại đã trực tiếp can thiệp với chính phủ Việt Nam cho tôi được sang thăm viếng đất nước Hòa Lan, để có thể có điều kiện tự do hơn nói lên tiếng nói thăm lặng mà đã một phần tư thế kỷ bị bóp nghẹt.

Trong những năm gần đây, trước cả khi tôi được lệnh phải rời khỏi nhà tù để trở về chùa, có rất nhiều đồng bào ta từ nước ngoài về thăm và càng ngày càng chứng kiến những đổi thay được nói là đáng khích lệ. Khích lệ theo chiều hướng nào, còn tùy theo cách nhìn mỗi người. Riêng tôi, tôi không có được may mắn là chứng nhân trực tiếp trước những thay đổi của đất nước, mặc dù tôi đang sống trong lòng quê Cha đất Tổ. Đó là điều tốt hay xấu, cũng còn tùy cách nhìn của mỗi người.

Mặc dù không có cái may như nhiều đồng bào sau khi sống tự do 15, 20 năm ở nước ngoài về thăm quê, thấy được những đổi thay từ trên thượng tầng, thấy được sự giàu sang

của đất nước qua những tiện nghi vật chất từ các khách sạn năm sao dành cho cán bộ cao cấp và khách nước ngoài, từ những tiếp đón niềm nở và linh đình của những nhân vật thuộc thượng tầng xã hội, với những đặc quyền xã hội mà điều kiện chính trị dành cho, nhưng tôi có cái "**may mắn**" khác - nếu cho đó là may mắn - được sống chung trong một thời gian rất dài với thành phần được xem là "**căn bã**" của xã hội. Chính từ xã hội gọi là căn bã ấy tôi đã chứng kiến những đổi thay trong nhà tù như là ảnh chiếu của những "**đổi thay to lớn**" của đất nước. Sự chứng kiến đơn giản và dễ hiểu thôi.

Cũng như người ta chỉ cần nhìn vào rác rưởi phế thải được dồn ra sân sau mà có thể biết những thứ đã được tiêu thụ ở sân trước. Chúng tôi, một số người từ lâu đã được học tập để thành thói quen suy nghĩ số phận dân tộc từ những đống rác, đã tự mình đặt thành nhiều câu hỏi cho lương tâm nhân loại, cho ý nghĩa tiến bộ của xã hội loài người, và trên tất cả là một câu hỏi lịch sử : "**Đất nước đã thấm bao nhiêu xương máu của bao nhiêu thế hệ ông cha và bè bạn để dồn lại thành những đống rác như thế, những đống rác càng ngày càng to phình lên một cách khủng khiếp**".

Việt Nam đang là một đống rác khổng lồ. Đó không phải là ý nghĩa riêng của tôi, mà là nhận xét của nhân vật cao cấp nhất của đảng Cộng Sản VN. Đây không phải là ý nghĩa kinh tế. Nó bao trùm tất cả mọi khía cạnh đời sống : văn hóa, chính trị, và cả tôn giáo. Vậy thì, một câu hỏi cần phải được đặt ra cho những ai còn có chút tự trọng dân tộc : **Tai sao một dân tộc luôn luôn tự hào với truyền thống bốn nghìn năm văn hiến, bỗng nhiên để cho đất nước mình trở thành một đống rác, kho chứa tất cả những gì xấu xa nhất của nhân loại văn minh ?** *Nguyên nhân từ đâu và do ai ?*

Trong gần 15 năm trong tù, điệp khúc tôi phải thường xuyên học tập để ca ngợi tính can đảm của đảng CS VN : "**Cán bộ làm sai, đảng tri... Đảng làm sai, đảng sửa.**" Tôi cũng thường xuyên trả lời : **Đó không phải là sự**

can đảm, mà là thái độ cai trị khinh dân; xem dân như là vật thí nghiệm cho những tư duy không tưởng, học thuyết viễn vông của mình.

Tôi cũng thường xuyên bị học tập rằng, chính sách đoàn kết dân tộc của đảng là làm cho "**dân tin đảng và đảng tin dân**." Tôi cũng thường xuyên trả lời : làm cho dân tin đảng; đó là điều tất nhiên và dễ hiểu thôi vì có đảng tin thì người ta mới tin được; vì đảng cần được dân tin tưởng để tồn tại, dù chỉ là tin tưởng giả tạo. Nhưng "**dân tin đảng**" có nghĩa là thế nào ? Nếu đảng không tin dân thì đảng xử lý dân như thế nào ? Câu trả lời thực tế : **Cả nước trở thành một nhà tù vĩ đại.**

Ngày nay, khi không còn ở trong nhà tù nhỏ như 15 năm trước nữa, tôi không còn có điều kiện để được lên lớp chính trị. Tôi hy vọng đảng Cộng sản VN không còn có cái can đảm như xưa, để thử nghiệm học thuyết của mình thêm nhiều lần nữa; và cũng không thi hành chính sách "**đại đoàn kết**" như xưa, để dân có thể sống tự tại mà không bị đảng nghi ngờ.

Mặc dù có những thay đổi lớn nhìn từ góc độ nào đó, nhưng thực tế tôi biết chắc rằng có một điều không thay đổi. Đó là : **"đảng Cộng Sản vẫn tự coi mình là ân nhân của dân tộc và do đó có đặc quyền quyết định số phận của dân tộc"** (mà là ân nhân hay tội đồ gì thì quần chúng và lịch sử trước mặt sẽ phán xét). Đó là điểm khác biệt với các chế độ chuyên chính lùng danh trong lịch sử.

Đây cũng chính là nguyên nhân của một trong những điều mà các đảng viên bảo thủ cho là "**rác rưởi tư bản**". Điều đó là nạn tham nhũng. Bởi vì, quan liêu, hách dịch, thái độ kẻ cá ban ơn, vừa là bản chất và vừa là dưỡng chất của tệ nạn tham nhũng của Việt Nam hiện nay.

Mỗi tội phạm xảy ra đều do 1 bên gây hại và 1 bên bị hại. Trong tham nhũng, mới nhìn thì không có ai bị hại 1 cách rõ ràng. Trước mắt, người đưa hối lộ và người nhận hối lộ đều nhận được những điều lợi nhất định.

Như vậy người bị hại chính là quần chúng, không đủ đặc quyền để tham gia nhằm hưởng lợi trực tiếp từ nạn tham nhũng. Nghĩa là những thành phần cùng khốn của xã hội chẳng có gì để cho, nên chẳng nhận được gì, vì vậy họ trở thành nạn nhân. Tính cá biệt của nạn nhân tham nhũng ở Việt Nam hiện tại là do thái độ ban ơn của những kẻ có chức quyền đối với "**thần dân**" dưới sự cai trị của mình.

Tham nhũng ở Việt Nam không chỉ là thỏa thuận song phương để dành những hợp đồng kinh tế béo bở. Nó bòn rút xương tủy của nhân dân; những người cùng khổ phải còng lưng lao động để có tiền đóng thuế.

Tham nhũng là gốc rễ của các tệ nạn xã hội khác. Vì nó tổ chức bao che và nuôi dưỡng chung. Nó xói mòn mọi giá trị đạo đức truyền thống. Bảo vệ hay phát huy văn hóa dân tộc trên cơ sở đó chỉ là lá chắn cho tệ nạn tràn lan mà thôi.

Tôi nói, tham nhũng là sân sau của quyền lực. Bởi vì chính những người dân cùng khốn, là tiếng nói luôn luôn bị áp chế bằng sự dọa nạt, là những người bị trấn áp bởi bạo quyền chuyên chính khốc liệt nhất, nhưng cũng lặng lẽ chịu đựng nhất. Đó là những chứng nhân cho mặt trái của tham nhũng và quyền lực; nạn nhân trực tiếp của tất cả sự áp chế của nó đối với giá trị nhân phẩm.

Có lẽ tôi muốn kể lại đây một câu chuyện thương tâm, để chúng ta hiểu phần nào bản chất tham nhũng trong một chế độ thường tự hào là không có người bóc lột người. Chuyện xảy ra trong trận lụt vào cuối năm vừa qua.

Tại xã Hương Thọ huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên có một gia đình nghèo khổ sống lênh đênh trên một chiếc đò. Khi cơn lụt áp đến, gia đình này là duy nhất có ghe ở địa phương miền núi này, do đó đã vớt được trên 80 người khỏi cảnh chết chìm. Sau nước rút, thỉnh thoảng có vài phái đoàn đến cứu trợ.

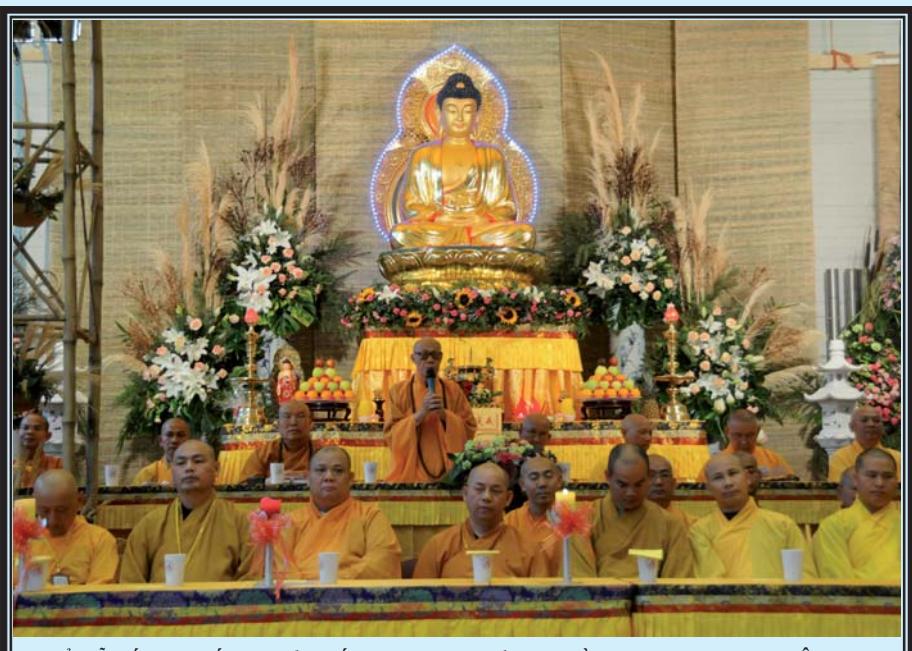
Các gia đình khác đều nhận được

cứu trợ. Chỉ trừ gia đình anh. Lý do : không có hộ khẩu, vì lâu nay gia đình này nghèo quá, phải sống "**vô gia cư**" phiêu bạt trên các sông suối nên không có hộ khẩu thường trú. Dân làng biết ơn anh, xin chính quyền địa phương cấp hộ khẩu cho. Nhưng thiếu điều kiện nhập hộ : gia đình anh không có đủ 400,000 đồng Việt Nam để hối lộ. Khi các thầy của tôi lén cứu trợ, dân làng tự động đến tường thuật sự việc để các thầy giúp đỡ. Các thầy giúp đủ số tiền, nhưng với điều kiện phải giấu kín nguồn gốc. Vì sẽ còn nhiều vấn đề rắc rối khác.

Điều tôi muốn nói ở đây không phải nhầm đến tệ nạn tham nhũng. Mà là nhân cách của gia đình nghèo khổ ấy; và thái độ chịu đựng sự bất công một cách thâm lặng đáng kính phục. Dù sống dưới mức tận cùng khổ khốn khổ, anh vẫn giữ vẹn giá tri nhân phẩm của mình. Làm ơn cho nhiều người, nhưng không kể ơn để được đền bù. Chỉ có dân làng biết ơn và tự động đền đáp. Nhưng dân ai cũng nghèo khổ và lại gặp hoạn nạn như nhau, lấy gì chu cấp cho nhau ?

Khắp cả đất nước này, có bao nhiêu trường hợp như vậy. Đó là những cuộc sống ở sân sau của quyền lực, sống trong bóng tối của xã hội. Nếu họ không lên tiếng, ai biết họ ở đây. Nhưng họ lại không lên tiếng. Vì không thể, hay vì không muốn ? Do cả hai. Điều mà quý vị biết rõ là tôi đang nói chuyện ở đây cũng chỉ là cách nói "**lén lút qua mặt chính quyền.**" Tôi chưa biết ngày mai của tôi ra sao, khi những điều tôi nói không làm hài lòng Đảng và Nhà nước.

(xem tiếp trang 7)



Buổi Lễ Bế Mạc cuối cùng của Cố Hòa Thượng Chủ Tịch Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 25 tại Phần Lan, từ ngày 25/7 đến 4/8/2013.

Học từ Bồ Tát Thường Bát Khinh

"Tôi không bao giờ dám khinh thường các vị, vì tất cả các vị chắc chắn sẽ thành Phật". Với những lời này, Bồ-tát Thường Bát Khinh đi vào trong dân chúng, nỗ lực thức tỉnh khả tính giác ngộ nơi họ. Thế nhưng Ngài gấp phải sự chống đối và phỉ báng, cả bằng ngôn từ lẫn hành vi.

Tuy nhiên, bất chấp điều đó, Bồ-tát vẫn kiên trì việc thực hành thể hiện sự kính trọng của mình đối với mọi người. Cuối cùng Ngài đạt được giác ngộ, không chỉ cho riêng mình mà cũng dẫn dắt mọi người mà Ngài gặp đến bến bờ giải thoát.

Khi chúng ta sống trong xã hội nơi sự bất dung và phỉ báng lẫn nhau đang gia tăng, hành xử của Bồ-tát Thường Bát Khinh, như được mô tả trong kinh Pháp Hoa, cung cấp một hướng dẫn cụ thể cho đời sống hàng ngày của chúng ta. Chúng ta có thể phát triển nhân tính như thế nào trong một xã hội đang ngày càng thiếu nhân tính? Chúng ta có thể phản ứng và chuyển đổi môi trường thù địch bằng cách nào? Phẩm **"Bồ-tát Thường Bát Khinh"** trong kinh Pháp Hoa soi sáng những câu hỏi quan trọng này.

Trọng tâm của việc thực hành Phật đạo

Phẩm thứ 20 của kinh Pháp Hoa, có tên **"Bồ-tát Thường Bát Khinh"**, là thuộc phần kết của kinh Pháp Hoa, được biết như là phần **"phó chúc"**. Các kinh sách thường được giải thích gồm có ba phần: phần tựa, phần khai thi và phần phó chúc. Phần tựa là phần giới thiệu, ở đó lý do thuyết giảng kinh được làm sáng tỏ. Phần khai thi thảo luận về nội dung chính của kinh. Phần phó chúc, là phần kết, giải thích những lợi ích của kinh và khuyến khích việc truyền bá kinh. Phần phó chúc của kinh Pháp Hoa được cho là bắt đầu với nửa sau của phẩm **"Phản biện công đức"** (phẩm 17) và đến hết phẩm cuối là **"Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát"** (phẩm 28), phẩm được xem như là phần kết của kinh Pháp Hoa.

Một phần của phần phó chúc, phẩm **"Bồ-tát Thường Bát Khinh"**, giải thích cả lợi ích có được từ việc truyền bá kinh Pháp Hoa và quả báo không tốt đến với những ai phỉ báng người hành trì kinh này. Ý nghĩa của phẩm **"Bồ-tát Thường Bát Khinh"**, tuy

nhiên, không chỉ nằm nơi sự liên hệ mật thiết của nó với phần phó chúc của kinh.

Sự miêu tả của kinh về thái độ và hành xử của Bồ-tát Thường Bát Khinh ở trong phẩm này được xem như hình mẫu cho những hành giả của kinh **Pháp Hoa**. Tinh thần và hành động của Ngài tiêu biểu cho điều cốt túy của kinh: **chủ nghĩa nhân đạo được dựa trên sự kính trọng tuyệt đối phẩm giá vốn có của con người**.

Bồ-tát Thường Bát Khinh là ai?

Sau đây là phần tóm tắt về phẩm **"Bồ-tát Thường Bát Khinh"**: Trong đời quá khứ xa xưa, khi giáo pháp của Phật Oai Âm Vương đang bắt đầu bước vào thời kỳ biến mất, có một vị Bồ-tát xuất hiện và thực hành giáo pháp của Đức Phật này. Đồng thời, dân chúng cũng thực hành Phật pháp, nhưng họ không thấy được mục đích và ý nghĩa chân thực của Phật pháp. Thêm nữa, bấy giờ **"các Tỳ-kheo tăng thương mạn có rất nhiều thế lực"**. Vì Bồ-tát đó, không bị ảnh hưởng bởi những trường hợp này, tin tưởng vững chắc rằng mọi người đều có Phật tính. Vì vậy, bất cứ khi nào nhìn thấy người khác, Ngài nói với họ rằng: **"Tôi kính trọng Ngài sâu sắc và không bao giờ dám khinh thường Ngài. Vì sao?"**

Bởi vì Ngài đang thực hành Bồ-tát đạo và sẽ thành Phật". Bởi vì Bồ-tát luôn lặp đi lặp lại những lời này, người ta đã gọi Ngài là **"Thường Bát Khinh"**.

Người ta giận dữ và phỉ báng Ngài, nói rằng **"Vì Tỳ-kheo vô trí này ở đâu đến, tự tin nói rằng ông ta không khinh khi chúng ta, và còn thọ ký cho chúng ta sẽ thành Phật? Chúng ta không cần những lời thọ ký hão huyền đó!"** Một số người khác thì **"lấy gậy và gạch đá đánh đập và ném ông"**. Nhưng Bồ-tát Thường Bát Khinh không từ bỏ sự thực hành của mình và đạt được giác ngộ, đắc được công đức lục căn thanh tịnh. Còn những người nhục mạ Ngài thì đọa vào địa ngục Vô gián. Và sau khi thọ tội xong, họ cuối cùng gặp lại Bồ-tát Thường Bát Khinh, được Ngài giáo hóa và chứng đắc Phật quả.

Thực hành lòng nhân trong cõi đời thực

Những tình huống xoay quanh Bồ-tát Thường Bát Khinh là tương tự với những tình huống hiện nay của chúng ta ở một vài khía cạnh. Thêm nữa, những tư tưởng và hành động của Bồ-tát đem đến cho chúng ta những hiểu biết có ý nghĩa về cách chúng ta có thể thực hành Phật giáo ngày hôm nay. Tôi muốn thảo luận chín điểm then chốt liên quan đến vấn đề này.

1. Trong một thời đại quyền lực tôn giáo bị lạm dụng, thực hành Chánh pháp có nghĩa là thẳng thắn nói sự thật

Một lý do tại sao phẩm **"Bồ-tát Thường Bát Khinh"** hữu ích như một hướng dẫn đối với sự tu tập ngày nay của chúng ta là rằng những tình huống ở đó Bồ-tát thực hành là tương tự với những tình huống của chúng ta. Bản kinh mô tả thời điểm câu chuyện xảy ra là như sau: **"Khi Đức Oai Âm Vương Như Lai tối sơ đã diệt độ và sau thời Chánh pháp biến mất, trong thời Tượng pháp, hàng Tỳ-kheo tăng thương mạn có rất nhiều thế lực".**

Đó là một thời điểm rất lâu sau Đức Phật diệt độ; đó là một thời kỳ hỗn mang đối với giáo pháp Phật giáo. Lời dạy chân thực của Đức Phật bị làm cho lu mờ, và thay vào đó, người ta thực hành một **"Pháp tượng tư"**, tức là một Phật giáo hình thức và thiên về nghi lễ cúng kiêng. Bản kinh giải thích rằng chính **"những Tỳ-kheo tăng thương mạn"** góp phần làm suy tàn Phật giáo. Không biết về mục đích và ý nghĩa chân thực của Phật giáo và bị thao túng bởi quyền lực tôn giáo, quần chúng không thể nắm bắt được cái cốt túy của việc thực hành Phật pháp và sự tận tâm của họ không có kết quả. Trong một thời kỳ suy thoái và hỗn mang như vậy, Bồ-tát Thường Bát Khinh đã xuất hiện và tuyên bố chân lý rõ ráo của Phật giáo - sự hiện hữu của Phật tính bên trong mọi người, và đó là phẩm giá bình đẳng của tất cả mọi người.

2. Danh phận được xác định bằng hành động

Tên thật của Bồ-tát Thường Bát Khinh không được biết. Tên của Ngài là một cái tên giấu mà người ta cố gán cho Ngài bởi vì Ngài luôn lặp đi lặp lại câu **"Tôi không bao giờ dám khinh thường các vị, vì tất cả các vị**

chắc chắn sẽ thành Phật !". Tên của Ngài có ý nghĩa ở đây. Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi đại chúng : "Vì lý do gì mà vị ấy có tên là Thường Bát Khinh ?". Tên của chúng ta xác định chúng ta.

Ở đây bản kinh cho thấy rằng nhân dạng của một hành giả kinh Pháp Hoa được xác quyết bằng chính những việc làm của người đó. Điều này phù hợp với truyền thống Phật giáo là luôn nhấn mạnh vào hành động của chúng ta, chứ không phải vào địa vị hay tài sản của ta, những điều thường được coi là cốt túy trong việc xác định danh phận chúng ta.

Một trong các bài kệ của kinh Pháp cú viết rằng : "Được gọi Bà-la-môn/ Không vì đầu bện tóc/ Không già đình, dòng tộc/ Ai thật chân, chánh, tịnh/ Mới là Bà-la-môn." Một Bà-la-môn là thành viên của đẳng cấp cao nhất trong những người Hindu. Các Bà-la-môn được xem như là giai cấp quyền quý nhất của xã hội Ấn Độ.

Thông điệp của Đức Phật ở đây là rằng, một người trở thành cao quý không phải vì địa vị hay hình ảnh, mà bằng chính việc làm của người ấy. Tương tự, nếu chúng ta muốn đồng nhất chúng ta với Bồ-tát Thường Bát Khinh, chúng ta chỉ có thể hành động theo cùng cách như vậy : thừa nhận và kính trọng Phật tính ở trong tất cả mọi người. Những suy nghĩ, ngôn từ và hành vi của chúng ta quyết định chúng ta là ai. Sau hết, những gì chúng ta xem là "tự ngã" thì không có gì khác hơn sự tổng hợp những nghiệp tích lũy của chúng ta. Và nghiệp có nghĩa là "hành vi" - những suy nghĩ, lời nói và việc làm của chúng ta.

Do đó, chúng ta về cơ bản tự do định hình nên danh phận của mình chính xác theo cách chúng ta muốn. Việc thực hành Phật pháp của chúng ta đưa ra một phương tiện mạnh mẽ cho việc tạo nên và xác định chúng ta. Chúng ta đề cập đến tiến trình mà ngang qua đó chúng ta thực hiện điều này như là cuộc "*cách mạng con người*" của chúng ta.

3. Mục đích của việc thực hành đạt đến quả vị Phật

Tại sao chúng ta thực hành Phật pháp ? Những câu hỏi đơn giản nhất thường là quan trọng nhất và khó trả lời nhất. Khi Bồ-tát Thường Bát Khinh xuất hiện vào thời kỳ "*Tượng pháp*" của Đức Phật Oai Âm Vương, mặc dù Phật giáo được biết rộng rãi, quần chúng hoàn toàn không biết ý

nghĩa đích thực của việc thực hành Phật giáo. Sự mù mờ của quần chúng về Phật giáo được biểu thị bằng nhận xét của họ đối với Bồ-tát : "*Vì Ty-kheo vô trí này ở đâu đến, tự tin nói rằng ông ta không khinh khi chúng ta, lại còn thọ ký cho chúng ta sẽ thành Phật ? Chúng ta không cần những lời thọ ký hão huyền đó !*". Phản ứng của họ là vô minh trong ý nghĩa rằng chúng là trái ngược với mục đích Phật giáo.

Quần chúng bị mê hoặc bởi tầng lớp Tăng lữ quyền uy để tin rằng họ có thực hành mà không cần giác ngộ. Tùy thuộc vào quyền lực tôn giáo, do đó, trở thành mục đích của họ. Đó là trạng thái thực hành Phật giáo quen thuộc. Chúng ta thực hành Phật giáo để khai mở chúng ta thành những vị Phật. Khi quần chúng trở nên mù mờ về ý nghĩa nền tảng này của Phật giáo, họ chắc chắn rơi vào một trạng thái nô lệ tinh thần.

Từ một cách nhìn, việc làm của Bồ-tát Thường Bát Khinh là để giải thoát con người ra khỏi sự mê mờ ấy và thức tỉnh cho họ biết mục đích chân thật của Phật giáo. Kinh Pháp Hoa dạy chúng ta rằng ở vào một thời kỳ hỗn mang, chúng ta trước hết phải làm sáng tỏ những gì mà những Phật tử chắc hẳn sẽ hỏi khi họ bắt đầu thực hành : Tại sao tôi thực hành ? Không trả lời được câu hỏi này một cách đúng đắn, sự thực hành của chúng ta sẽ trở thành điều mà Ngài Nhật Liên mô tả là "*một sự hành xác đón đau vô cùng tận*".

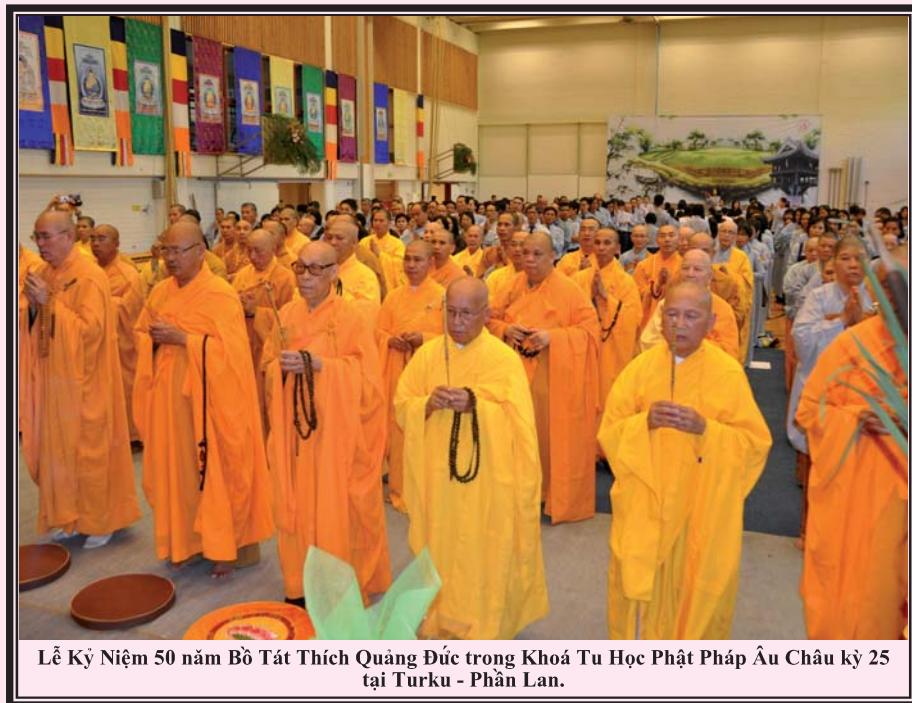
4. Kính trọng người khác là một phương tiện khai mở Phật

tính của chúng ta

Từ những hành động của Bồ-tát Thường Bát Khinh, chúng ta tìm thấy chìa khóa để nhận ra hạnh phúc của chính mình. Bồ-tát chứng minh rằng nếu chúng ta muốn thấy Phật tính của chúng ta và khai mở nó, chúng ta cũng phải thấy nó ở nơi đời sống của người khác. Không có chuyện là đạt lấy giác ngộ cho riêng mình trong khi không nhìn thấy khả tính như vậy ở nơi người khác.

Về điều này, Ngài Nhật Liên, thông qua sự loại suy khéo léo, giải thích : "*Có một sự đồng nhất căn bản của ta và người. Do đó khi Bồ-tát Thường Bát Khinh cung kính lạy bốn chúng, Phật tính ở trong bốn chúng tăng thương mạn cúi lạy lai Bồ-tát Thường Bát Khinh. Điều này giống như cách khi một người cúi đầu trước một cái gương, hình ảnh phản chiếu trong cái gương cúi đầu trở lại*".

Nếu thái độ của chúng ta là "*tôi sẽ đổi xử với mọi người đúng đắn với điều kiện mọi người đổi xử với tôi đúng đắn*", thì có nhiều khả năng chúng ta sẽ đánh mất sự kính trọng và chân thực của chúng ta và đẩy người khác ra xa. Hay có thể nói rằng một thái độ như vậy tự nó là nguyên nhân cho việc thất kính và nghi ngờ lẫn nhau. Ngược lại, nếu chúng ta cố gắng nhìn thấy vị Phật nơi người khác, chúng ta sẽ thấy một sự thay đổi đặc biệt nơi đời sống của chúng ta và cả nơi đời sống của người khác. Thực hiện trước việc kính trọng những người xung quanh ta vì Phật tính của họ là đem lại ích lợi hổ tương. Trong ý nghĩa này, Bồ-tát Thường Bát Khinh thực hành sự cung kính không chỉ vì lợi



ích của người khác, mà cũng vì lợi ích của chính mình.

Tin vào Phật tính - của chính chúng ta và người khác - là điều khó khăn. Đây là tại sao hành động của Bồ-tát Thường Bất Khinh là quá cao cả và hy hữu. Nhưng đồng thời, việc thực hành là ở bên trong tâm tay của bất cứ ai. Mọi người có thể tôn trọng người khác; điều chắc chắn không khó như bay lên trên một hòn chung và trèo lên trên một ngôi tháp đồ sộ lơ lửng giữa không trung - những hành động được mô tả ở nơi khác trong kinh. Không giống như những việc làm này, việc làm của Bồ-tát Thường Bất Khinh là có thể đối với tất cả chúng ta.

Trong ý nghĩa này, Ngài Nhật Liên giải thích : **"để tin rằng Phật tính tồn tại bên trong loài người là điều khó khăn nhất - khó như tin rằng lửa tồn tại trong nước hay nước ở trong lửa. Bồ-tát Thường Bất Khinh nhìn thấy Phật trong mọi người Ngài gặp, và Thái tử Tất-đạt-đa là người đã thành Phật. Những tấm gương này giúp bạn có niềm tin."**

Những gì có thể khiến chúng ta hành động theo cách mà Bồ-tát Thường Bất Khinh đã làm, Ngài Nhật Liên dạy ở đây, là không có gì khác hơn niềm tin của chúng ta vào tính phổ quát của Phật tính. Và để tiếp tục công việc của chúng ta, chúng ta cần niềm tin mạnh mẽ - mạnh mẽ đủ để không thoái chí bởi những phản ứng nồng nỗi từ người khác. Bất cứ khi nào chúng ta nhận ra và kính trọng Phật tính của người khác, quả vị Phật của họ đang đánh lê trở lại, bất chấp bে ngoài họ đang phản đối chúng ta. Do đó Ngài Nhật Liên khuyên chúng ta cần có can đảm để chính chúng ta thực hành trước, chứ không chờ đợi một cách vô ích hình ảnh ở trong tấm gương cui lạy trước.

5. Bao dung thật sự xuất phát từ niềm tin vào nhân tính

Bồ-tát Thường Bất Khinh, bất chấp sự phỉ báng gay gắt mà Ngài phải chịu, không hề tức giận hay từ bỏ việc thực hành của mình. Bản kinh mô tả sự kiên nhẫn của Ngài như sau : "Trải qua nhiều năm như vậy, vị Tỳ-kheo này thường xuyên chịu sự phỉ báng và sỉ nhục. Tuy nhiên Ngài không sân hận mà vẫn luôn nói : **"Ngài chắc chắn sẽ thành Phật"**". Trong phần kệ tụng của phẩm **"Thường Bất Khinh"**, bản kinh lặp lại điểm này : **"Khi người nghe điều này họ bèn ché giễu Ngài/ phỉ báng, sỉ vả**

Ngài/ Nhung Bồ-tát Bất Khinh/ Nhẫn nhục chấp nhận cả".

Gốc rẽ lòng bao dung của Bồ-tát Thường Bất Khinh đối với người khác nằm ở nơi niềm tin sâu sắc của Ngài vào nhân tính. Bất chấp những phản ứng thô lỗ và tàn nhẫn mà Ngài đã hứng chịu từ những người Ngài gặp là gì, niềm tin của Ngài vào khả tính Phật là không hề bị dao động. Ngài thật sự tin tưởng vững chắc vào chân lý được Phật giáo tuyên thuyết này nên không oán hận hay mất đi sự nhẫn nhục. Ngài tin chắc rằng Ngài đứng cùng với chân lý, và điều này đã giúp Ngài vượt qua bất kỳ cảm xúc thông thường nào mà đôi khi Ngài có thể đã cảm nhận.

Lòng bao dung được biểu thị bởi Bồ-tát Thường Bất Khinh không phải là lòng bao dung thông thường. Đó không phải là lòng bao dung tiêu cực : chấp nhận cả những gì mình biết là sai, nhưng vẫn làm nhầm bảo vệ nỗi chốn bình yên của mình và tránh sự xung đột hay đương đầu. Ngài tìm sự tương tác với người khác và tự do thể hiện niềm tin của mình. Sự kiên trì của Ngài trong việc truyền tải thông điệp của Ngài đến với người khác đã khiến họ vô cùng bức bối. Rõ ràng những người đương thời với Ngài đã xem Ngài như là một người vô trí không để họ yên.

Tuy nhiên, bỏ mặc mọi người trong sự hỗn mang không phải là một hành động bao dung; mà đó là thiếu từ bi. Bồ-tát Thường Bất Khinh chấp nhận vô điều kiện mọi người trên nền tảng khả tính Phật của họ. Lòng bao dung của Ngài là tích cực - lòng bao dung đem đến một sự thay đổi thực sự trong cuộc đời.

6. Thực hành bất bạo động là để mạnh mẽ hơn và trí tuệ hơn

Bồ-tát Thường Bất Khinh là một hình mẫu đại diện cho tinh thần bất bạo động. Ngài đã thể hiện sự tận tâm đối thoại của mình như là phương tiện duy nhất để nói về những khác nhau giữa người và người. Ngài không bao giờ viện đến bạo lực với bất cứ lý do gì bởi vì những người phỉ báng Ngài không hề là kẻ thù của Ngài. Ngài xem họ như chính mình, tất cả đều có tiềm năng cao quý, điều Ngài đã nhận thấy nơi chính đời sống của mình.

Tuy nhiên, điều quan trọng là làm cách nào Ngài có thể giữ được tinh thần bất bạo động trong một xã hội bạo động mà không hy sinh nạn nhân cho bạo động. Ngài có thể làm như

vậy bởi vì Ngài đủ trí tuệ và dũng lực để tránh những tấn công bạo lực, tuy nhiên vẫn giữ một sự tiếp xúc dù gần với những người phỉ báng. Ngài để tiếp tục truyền bá niềm tin vào Phật tính cho họ. Bản kinh giảng giải :

"Khi Ngài nói như vậy, một số người lấy gậy và gach đá đánh đập và ném Ngài. Nhưng lúc ấy Ngài chạy ra xa, và đứng ở xa tiếp tục nói lớn rằng "Tôi không hề dám khinh thường các vị, vì các vị chắc chắn sẽ thành Phật !!!"

Ngài không quá khờ khạo hay bất cẩn để khiến mình trở thành nạn nhân của những kẻ bạo lực. Ngài đủ khôn ngoan để bảo vệ bản thân. Ở đây, kinh Pháp Hoa dạy chúng ta rằng để thực hành bất bạo động trong cõi đời thực, chúng ta phải có trí tuệ, tránh trở thành nạn nhân trong một xã hội ngược đãi. Bồ-tát Thường Bất Khinh dường như bảo chúng ta rằng chớ trở thành nạn nhân của người khác trong việc thực hành lòng bao dung và bất bạo động trong thế giới ngày hôm nay.

7. Thanh tịnh lục căn thông qua giúp đỡ người khác

Như một kết quả của việc tu tập đúng đắn, Bồ-tát Thường Bất Khinh đã đạt được nhiều công đức. Ví dụ, bên cạnh việc kéo dài thời mạng của mình, Ngài có thể thanh tịnh các căn để nhận thức thế giới một cách đúng đắn hơn. Bản kinh giảng giải rằng :

"Ngài liền đặc nhẫn cẩn thanh tịnh và nhĩ, tý, thiệt, thân, ý cẩn thanh tịnh..."

Từ một cách nhìn, những gì chúng ta gọi là lợi ích trong Phật giáo đến từ những mối liên hệ tích cực mà chúng ta tạo ra, tức là sự liên hệ của chúng ta với môi trường, với người khác và với những sự việc mà chúng ta đối diện trong cuộc sống. Để tạo ra những mối liên hệ tích cực, chúng ta phải nhận thức sự việc một cách đúng đắn để có thể hành động một cách có trí tuệ. Nếu chúng ta nắm bắt những điều xung quanh một cách rõ ràng, chúng ta có thể tạo ra những giá trị tích cực, hạnh phúc và niềm vui. Còn nếu nhận thức của chúng ta tối tăm, có nhiều khả năng chúng ta mang lại khổ đau cho chính mình.

8. Chân thành là sự biện thuyết chân thật

Bồ-tát Thường Bất Khinh cũng đặc được sự chân thành, lòng tốt và an tĩnh như bản kinh đã giảng giải :

"Bấy giờ, những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di, những người trong hàng tứ chúng tăng thượng mạn đã từng khinh chê và đặt tên Ngài là Thường Bất Khinh, thấy Ngài đặc đại

thần thông lực, có được năng lực biện thuyết vô ngại, có được năng lực đại thiện và an tịnh, khi nghe lời Ngài nói, tất cả họ đều tín thuận và mong muốn trở thành đệ tử".

Trong một ý nghĩa, dường như rằng Ngài bất ngờ đạt được khả năng biện tài, có được lòng tốt và sự an tịnh. Tuy nhiên, có lẽ đúng hơn để kết luận rằng, sự chân thành kiên trì của Ngài trong việc truyền bá tính phổ quát của Phật tính cuối cùng đã chạm đến trái tim của những người đã từng phỉ báng Ngài. Sự chân thành của Ngài đã khai mở nhẫn thi của họ, và vì lần đầu họ nhìn thấy sự vĩ đại của người mà họ đã từng phỉ báng. Ở đây bản kinh đề xuất rằng, sự biện tài đến từ sự chân thành, điều cuối cùng vượt qua khỏi sự kiêu mạn và thành kiến.

9. Trả nghiệp

Ở đây bản kinh giải thích nguyên tắc "trả nghiệp" mà Ngài Nhật Liên đã diễn tả bằng đoạn văn sau : "**Bồ-tát Thường Bát Khinh bị phỉ báng và sỉ nhục, bị ném đá và bị đánh đập bằng gậy gộc không phải không có lý do. Có thể trong quá khứ Ngài đã từng phỉ báng Chánh pháp. Đoan văn trong kinh cho thấy rằng, nhờ Bồ-tát Thường Bát Khinh gấp phải sự ngược đãi, Ngài có thể diệt trừ những ác nghiệp trong các kiếp trước**". Ở đây Ngài Nhật Liên nói với chúng ta rằng tất cả những khó khăn mà chúng ta trải qua trong việc truyền bá Phật giáo không bao giờ uổng phí. Chúng là những thử thách giúp chúng ta chuyển đổi một cách tích cực ác nghiệp của chúng ta, và làm nền tảng vững chắc cho hạnh phúc lâu dài.



Chư Tăng Ni niệm Phật kinh hành sau giờ Ngọ Trai tại Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 25.

Bản kinh nói rằng những người phỉ báng và sỉ nhục Bồ-tát Thường Bát Khinh đã phải chịu khổ đau lâu dài và cuối cùng đạt được giác ngộ : "**Hàng tứ chúng... thời đó, do đã dùng lòng sán hận khinh chê ta (Bồ-tát Thường Bát Khinh), trong 200 úc kiếp đã không được thấy Phật, không được nghe Pháp, và không gặp được Tăng. Trong 1.000 kiếp ở tai địa ngục Vô gián để họ khổ não cùng cực. Sau khi tho xong tội báo, họ lại gặp Bồ-tát Thường Bát Khinh và được Ngài giáo hóa để đạt đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác**".

Như vậy, ngay những người phỉ báng Bồ-tát cũng có duyên với kinh Pháp Hoa nên cuối cùng nhận chân được Phật tính của họ, điều mà chính họ đã kịch liệt phủ nhận.

Kết luận : can đảm kính trọng người khác

Mặc dù có nhiều điểm quan trọng trong phẩm "**Bồ-tát Thường Bát Khinh**" được nhấn mạnh, khi so sánh cuộc đời của vị Bồ-tát này với cuộc đời của Ngài Nhật Liên, ta thấy có một phẩm chất mà cả hai cùng chia sẻ - đó là sự can đảm. Cả hai can đảm nói về chân lý và kính trọng tất cả mọi người. Can đảm thật sự là điều có thể giúp họ hoàn thành những gì họ đặt ra bất chấp những phỉ báng mà họ gánh chịu.

Kinh Pháp Hoa giải thích điểm này như sau : "**Ở trong bốn chúng Ngài thuyết pháp với tâm không sợ hãi**". Ngài Nhật Liên cũng nhẫn mạnh tầm quan trọng của sự can đảm trong việc thực hành Phật pháp. Để sử dụng việc làm của Bồ-tát Thường

Bát Khinh như một hướng dẫn cho việc tu tập hàng ngày, bước đầu tiên là phát triển sự can đảm để tìm kiếm sự chói sáng của quả vị Phật ở trong đời sống của người khác cũng như ở trong chính mình.

Shin Yatomi - Đăng Nguyên dịch

Trí Thức Phải Nói

(tiếp theo trang 3)

Hoàn cảnh đất nước Việt Nam như thế cho nên dân ta phải chịu quá nhiều đau thương và tủi nhục. Đối với giới trí thức nói riêng, mà xã hội Việt Nam truyền thống rất tôn trọng, điều tủi nhục lớn nhất là họ không thể thay những người dân thấp cổ bé miệng nói lên một cách trung thực tất cả những uất ức, những khổ nhục mà họ phải chịu.

Bởi vì, tại Việt Nam ngày nay những người có thể nói thì ngòi bút đã bị cong; những người muốn nói thì ngòi bút đã bị bẻ gãy.

Nhưng tôi biết rõ một điều, và điều đó đã được ghi chép trong lịch sử : **Trí thức chân chính của Việt Nam không bao giờ khiếp nhược**.

Trân trọng kính chào quý vị.

Tu Viện Quảng Hương, Sài Gòn, Việt Nam

Thích Tuệ Sỹ

THỌ BÁT QUAN TRAI

(20g ngày thứ sáu thọ giới, 19g ngày thứ 7 xả giới)

- Mỗi tháng 1 lần **HUÂN TU TỊNH ĐỘ**

(tung kinh Thủ Sám...niệm Phật hoặc tụng trọn bộ kinh Pháp Hoa từ 9h sáng thứ bảy đến 18h chiều)

Chương Trình

Thọ Bát Quan Trai

và Huân Tu Tịnh Độ

tại **Chùa Khánh Anh**

Thứ sáu : 28/03/14 Thọ Bát

Thứ bảy : 12/04/14 Huân Tu

Thứ sáu : 25/04/14 Thọ Bát

Thứ bảy : 10/05/14 Huân Tu

Thứ sáu : 23/05/14 Thọ Bát

Thứ bảy : 07/06/14 Huân Tu

Thứ sáu : 20/06/14 Thọ Bát

Thứ sáu : 19/07/14 Thọ Bát

Thứ bảy : 02/08/14 Huân Tu

Thứ sáu : 15/08/14 Thọ Bát

Thứ bảy : 30/08/14 Huân Tu

Thứ bảy : 13/09/14 Huân Tu

Tùy theo Phật sự, chương trình có thể thay đổi, xin liên lạc về chùa trước để xác định lại ngày Huân tu hoặc Thọ bát.

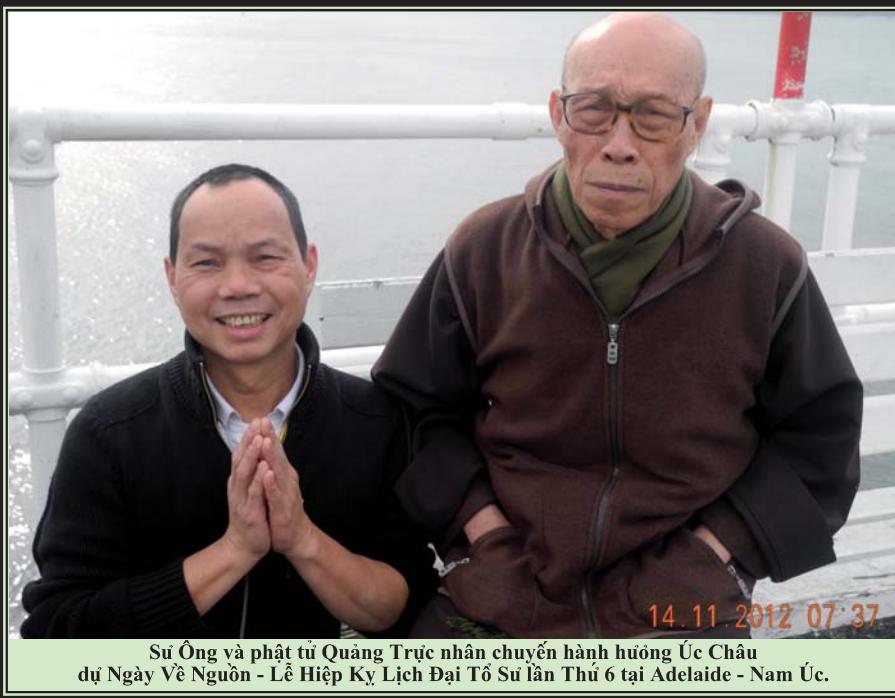
Vài cảm nghĩ nhân 1 chuyến hành hương về đất Phật

**Kính dâng
Giác Linh Sư
Ông Khánh Anh**

Chúng tôi và Giác Linh Sư Ông Khánh Anh vừa làm một chuyến hành hương đất Phật trở về. Chúng tôi rời nước Đức ngày 4.11.2013 và trở về ngày 20.11 đây lần đầu tiên chúng tôi có duyên về đất Phật, kỳ lạ thay cũng trong chuyến đi này không hẹn mà nêu, chúng tôi còn có duyên được cúng lễ 100 ngày Sư Ông tại nơi thánh địa Bồ Đề Đạo Tràng (nơi

Đức Phật Thành Đạo). Hôm nay ngồi viết lại mấy dòng cảm nghĩ này, trước là kính dâng lên Giác Linh Sư Ông, sau là muốn chia sẻ phần nào những suy nghĩ, cảm nhận của mình từ chuyến hành hương trên.

Cuộc đời quả thật có những việc xảy ra mà mình khó lý giải, cứ ngỡ nó xảy ra 1 cách vô tình. Nhưng bình tâm nghĩ lại thực ra đều có logic của nó, nói theo giáo lý nhà Phật : không ngoài 2 chữ nhân duyên. Chả là, cách đây đúng 1 năm tôi còn lon ton theo chân Sư Ông Khánh Anh, sang tận Úc Châu đi ăn giỗ tổ đúng cảnh cha đâu con đấy. Sau chuyến đi đó trở về, tôi viết thư tâm sự với Thầy Quảng Đạo và Ni Sư Diệu Trạm rằng : con sẽ cố gắng sắp xếp công việc, để hàng năm có cơ hội ít nhất 1 lần theo hâu Sư Ông đi Phật sự xa dài ngày, để có dịp báo ơn và gần gũi phụng sự cha mình. Nhưng năm nay tôi buộc phải thất hứa với Sư Ông, vì ngay từ đầu năm tôi đã đăng ký đi hành hương về đất Phật gần 3 tuần mất rồi, ngày phép trong năm cũng đã cạn, và lại tôi cũng chủ quan nghĩ rằng Sư Ông còn thọ lâu. Nào có ai ngờ chỉ 9 tháng sau, khi Khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 25 tổ chức tại Phần Lan kết thúc được mấy ngày, Sư Ông đã cao đăng Phật Quốc, để lại sự tiếc thương trong hàng tử chúng, sự ngạc nhiên của đàn con trẻ mồ côi. Để rồi năm nay tôi vẫn có duyên theo hâu Sư Ông, nhưng hoàn cảnh đã khác mất rồi, ngoài hành trang giản dị trên đôi vai về đất Phật, tôi chỉ biết ôm



Sư Ông và phật tử Quảng Trực nhân chuyến hành hương Úc Châu
dự Ngày Về Nguồn - Lê Hiệp Kỷ Lịch Đại Tố Sư lần Thứ 6 tại Adelaide - Nam Úc.

theo di ảnh Giác Linh Sư Ông vào lòng. Và bây giờ con đâu cha đấy, Sư Ông nhé !

Điều đầu tiên tôi cảm nhận được trong chuyến đi này là : Giác Linh Sư Ông rất thiêng, ân đức Sư Ông rất lớn. Tôi dám khẳng định một điều : những ai có duyên với Sư Ông khi đi hành hương về đất Phật, nếu có Phật trong tâm, có di ảnh Giác Linh Sư Ông trong lòng, chắc chắn mọi chuyện đều hanh thông, viên mãn.

Đoàn chúng tôi gồm 30 người đến từ VN và Đức gồm đủ thành phần, đặc biệt trong chuyến đi này có cả phóng viên báo chí và tháp tùng. Đoàn từ VN do Hòa Thượng Thích Huệ Minh viện chủ chùa Giác Uyển tại Sài Gòn dẫn đầu gồm 5 vị Tăng-Ni và 3 cư sĩ. Từ trong tiềm ẩn sâu xa tôi biết Hòa Thượng Huệ Minh và Sư Ông Khánh Anh đã có duyên hữu với nhau từ lâu, mỗi ngài đều có một tu riêng. Nhưng đều giống nhau một điểm lòng từ bi và đức độ bao dung. Đoàn từ Đức do TT Thích Đồng Văn trụ trì chùa Phổ Bảo (München) dẫn đầu gồm hai vị Tăng và 20 cư sĩ. Nhìn chung thành phần của đoàn : Tăng nhiều - Ni ít, Uu Bà Tắc ít - Uu Bà Di nhiều. Cả hai đoàn đều thống nhất lấy trung tâm Bồ Đề Đạo Tràng làm điểm gặp gỡ hội tụ. Thầy Đồng Văn cẩn thận lắm, thường trước khi khởi hành những chuyến đi Phật sự xa hay dài ngày, Thầy bao giờ cũng nhắc nhở mọi người nên vân tập về chùa tụng kinh lê Phật, rồi xin với Phật và Bồ Tát gia hộ cho cả đoàn đi đến nơi về đến chốn.

Năm nay có sự cố đáng buồn, chả hiểu vì sao ? hồi đầu tháng bảy vừa rồi có thành phần quá kích, đánh bom ở Bồ Đề Đạo Tràng, may nhờ gia hộ của Phật, Bồ Tát nên thánh địa không bị hư hỏng nhưng làm một vị Lat Ma Tây Tang bị thương. Sân bay gần Bồ Đề Đạo Tràng mở muộn, đoàn từ Đức phải bay đến sân bay Patna - thủ phủ của tiểu bang Bihar cách Bồ Đề Đạo Tràng gần 100 km, rồi

thuê xe Bus đi gần 5 tiếng mới về đến nơi. Đón chúng tôi tại sân bay Patna là anh Manis, ông chủ của một hãng xe du lịch và cũng là người tháp tùng giúp đoàn trong suốt chặng đường 14 ngày đi hành hương đất Phật. Anh và tôi giống nhau một điểm : vòng bụng đều quá cỡ nhưng chiều cao anh hơn hẳn tôi một cái đầu, anh rất tốt và giản dị. Nhờ có anh đi cùng nên mỗi lần đi chợ chúng tôi không phải mặc cả nhiều lần, mua thường sát giá và tránh được những cuộc tranh cãi không cần thiết với người bán xú.

Sau cái bắt tay thân thiện và đón nhận vòng hoa Cúc vàng choàng lên mọi người từ anh Manis, xe bắt đầu chuyển bánh. Lên xe Bus tôi hay thích ngồi hàng ghế cuối cùng, đường xá bên Ấn Độ rất xấu nhiều ổ gà, ngồi hàng cuối hay bị xóc nhưng bù lại có cơ hội bao quát cả đoàn và ngắm phong cảnh hai bên đường. Xe chạy qua những thị trấn và làng quê chợ nhỏ, giao thông xe cộ bên Ấn Độ cũng hỗn loạn như ở Việt Nam nhưng có khác từ các phương tiện thô sơ đến xe cơ giới thường nhường nhịn nhau, tỉ lệ bấm còi chỉ bằng một phần mười so với Việt Nam, đặc biệt các ngôi chợ chủ yếu bán rau, hoa quả và hàng nông thổ sản. Suốt 14 ngày trên đất Ấn Độ mỗi lần đi chợ tôi không tìm đâu ra thấy một phản thịt, hay bán gia súc như ở Việt Nam. 80 phần trăm người Ấn Độ có mức sống nghèo khổ nhưng ở chợ và trên đường không hề thấy cảnh trộm cắp, cướp giật, đánh cãi chửi nhau như ở

quê mình. Đặc biệt không có những quán cơm tù như ở Việt Nam. Mãi sau này Thầy Đồng Văn mới tâm sự : Thầy và Thầy Hạnh Tấn, cùng các Thầy cô khác theo học suốt 7 năm trên đất nước Ấn Độ mặc dù sinh hoạt khó khăn, ăn uống kham khổ mà chả có ai mắc bệnh tật ốm đau gì hết, chứng tỏ môi trường ở đây tốt anh ạ ! tôi thành thật chia sẻ ý kiến của mình : chắc con nghĩ vì người Ấn Độ phần lớn ăn chay không có sát sinh đấy Thầy à ! Thầy vui vẻ đồng ý : Thầy cũng nghĩ như anh đó.

Về đất Phật mỗi người trong đoàn ai ai cũng háo hức mang một tâm trạng khác nhau. Sau sự viên tịch đột ngột của Sư Ông Khánh Anh, bản thân tôi có rất nhiều thay đổi trong suy nghĩ. Tôi học được từ Sư Ông cách nhìn đời, nhìn người với con mắt bao dung và nhẹ nhàng hơn. Thực lòng mà nói, về đất Phật lần này tôi chỉ muốn quỳ dưới chân Người cung kính đảnh lễ và thốt lên ba chữ : Tạ Ơn Phật. Tạ Ơn Phật đã gia hộ cho Giác Linh cha tôi, cả cuộc đời tu hành có thể nói không ngoài hai chữ : viên thành. Tạ Ơn Phật, nhờ giáo lý của Người mà gia đình tôi có cuộc sống bình an và từ trong tâm khảm sâu xa tôi muốn xin với Phật, Bồ Tát gia hộ cho chúng tôi có đủ sức, đủ lực, đủ tâm để cùng quý Thầy, quý Cô hoàn thành nốt công trình xây dựng chùa Khánh Anh mới ở Evry (Paris- Pháp) theo đúng như ý nguyện của Sư Ông để lại. Nhưng háo hức và hồi hộp hơn cả là chị Trinh. Chuyện thật mà như đùa : mang tiếng là sống ở Đức và Ý- trung tâm văn hóa Âu Châu đã gần 40 năm, nhưng với chị đây là lần đầu tiên trong đời, chị được đi máy bay. Chả là chị và gia đình vượt biên cuối những năm bảy mươi, sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, được tàu quân sự hạm đội Ý cứu vớt đưa về định cư. Mấy năm sau đó chị lấy chồng bên Đức, chị bước lên xe hoa bằng đường bộ về nhà chồng. Cuộc đời chị là mẫu người phụ nữ tần tảo, một nắng hai sương nuôi chồng nuôi con, chưa một lần đi đâu xa, nên với chị chưa có khái niệm về máy bay. Nay con cái dã lớn và trưởng thành, anh chị mới đủ duyên về đất Phật. Gần anh chị, tôi học được đức tính khiêm cung nhẫn耐, âm thầm hộ trì Tam Bảo, làm việc Phật sự hết lòng nhưng không bao giờ ca thán, kể công.

Mãi nghĩ miên man, xe về đến Bồ Đề Đạo Tràng là gần 20 giờ tối, cả đoàn tá túc tại ngôi chùa Đài Loan cách Bảo Tháp độ 10 phút đi bộ, sau khi nhận phòng, thu xếp đồ đạc,

chúng tôi lên Bảo Tháp đánh lê đúc Phật, thưa với Ngài chúng con đã về. Sau sự cố tháng 7 vừa rồi, khu bảo tháp an ninh được kiểm tra rất chặt chẽ phải qua hai vòng khám xét của cảnh sát mới vào được bên trong. Trước khi bước vào khuôn viên bảo tháp, tất cả khách hành hương không ai bảo ai, đều tự nguyện bỏ giày dép lấm bụi đường để bên ngoài.

Bồ Đề Đạo Tràng có diện tích khoảng 3 hecta, xung quanh bao bọc bởi các hàng cây tán lá xum xuê, khi màn đêm bao phủ, toàn bảo tháp được chiếu sáng bởi một hệ thống đèn rất trang nhã, làm cho những du khách lần đầu đến Bồ Đề Đạo Tràng như tôi đều có chung một cảm nhận : hùng vĩ, trang nghiêm và thanh tịnh. Theo sự hiểu biết của tôi, Bồ Đề Đạo Tràng có hai nơi tôn thờ quan trọng : tháp Bồ Đề Đạo Tràng (*Mahabodhi Temple*) và cây Bồ Đề.

Tháp Bồ Đề Đạo Tràng cao khoảng 52 m, được xây cất theo kiểu hình chóp nhọn vươn cao, trên đó có thờ Xá Lợi Phật. Bốn mặt của tháp đều có những tháp nhỏ, có nhiều góc tường đặt tượng Phật bằng vàng với nghệ thuật điêu khắc tinh xảo, mang nặng dấu ấn Phật giáo.

Thực tình mà nói trong các thánh tích Phật giáo ở Ấn Độ mà chúng tôi viếng thăm đảnh lễ, tôi chỉ thấy Bồ Đề Đạo Tràng là còn nguyên vẹn, được bảo quản và tu bổ nhiều nhất.

Hôm chúng tôi đến, nóc bảo tháp đang được tiến hành giát vàng. Sau một thời gian thương thuyết khá căng thẳng giữa Hoàng Gia Thái Lan và chính phủ Ấn Độ. Đến phút cuối cùng nhờ Phật độ, chính phủ Ấn Độ đã đồng ý để Vua Thái Lan cúng dường 300 kg vàng ròng (*vàng 9999*), số vàng này được giát mỏng thành từng tấm dày 2mm ốp trực tiếp trên nóc bảo tháp. Chính phủ Thái Lan đã cắt cử các nhân viên hàng không, cảnh sát theo dõi trực tiếp, bảo vệ dự án này. Hàng ngày các nhân viên công quyền trên, đều 4 lần vào bảo tháp lê Phật, xin Người gia hộ cho công việc được trôi chảy hoàn mỹ.

Trong bảo tháp có thờ một pho tượng Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni cao khoảng hơn 2 m bằng vàng, có tuổi thọ đã hơn 1.000 năm, rất linh thiêng. Cũng chính nơi đây dưới chân Ngài chúng tôi có được cơ duyên cúng lê 100 ngày Giác Linh Sư Ông Khánh Anh. Tất nhiên trong mâm cỗ chay thịnh soạn, không thể thiếu món cổ truyền, sở thích của Sư Ông. Đó là bát mỳ chay ăn liền nóng hổi, với ít rau thơm trang điểm bên trên.

Phía sau bảo tháp có cây Bồ Đề tàn lá xum sê như một cây cổ thụ, mặc dù nó mới được trồng khoảng cuối thế kỷ 19. Người ta phải xây hàng hoa hiên xung quanh để bảo vệ và hàn những giá đỡ bằng thép giúp tàn cành khỏi gãy. Cây Bồ Đề này, cũng là sự tái sinh của cây Bồ Đề gốc mà Đức Phật đã ngồi thiền 49 ngày thành đạo. Hàng ngày có hàng nghìn người từ khắp nơi trên thế giới về đây thăm viếng đảnh lễ cúng dường. Ngày đầu trên đất Phật sau thời công phu khuya, sau bữa điểm tâm cháo hoa nhẹ nhàng. Chúng tôi được Thầy Đồng Văn dẫn đi mua y, gạo, dầu ăn, bánh kẹo, hoa tươi mang vào bảo tháp dâng lên cúng Phật.

Theo lời kể của những người đi trước : *những tấm vải dâng lên cúng Phật để làm y, rất là linh thiêng nếu người nào nằm ngủ hay bị mộng mị, bóng đè, hoặc nhà có trẻ nhỏ ban đêm thường hay thức giấc khóc quấy, nên xin quý Thầy cho thỉnh lấy một tấm mang về thờ chủ cần cất một miếng nhỏ để vào gối đầu giường là mọi chuyện mộng mị tan biến, trẻ nhỏ ngủ yên.*

Buổi chiều hôm đó chúng tôi được Thầy dẫn đi bách bộ, thăm và cúng dường các ngôi chùa Miến Điện, Nhật Bản, Tây Tạng, Trung Tâm Tu Học Viên Giác, Việt Nam Phật Quốc Tự xung quanh bảo tháp. Mỗi ngôi chùa có một kiểu kiến trúc khác nhau tạo nên một sự đa dạng phong phú trên đất Phật. Nhưng ngôi chùa làm tôi suy nghĩ và có ấn tượng hơn cả là Trung Tâm Tu Học Viên Giác. Từ ngôi chùa Đài Loan theo đường tắt đi bộ độ 10 phút, qua một làng nghèo đây phân bò, và cống rãnh hôi thối chúng tôi bước vào khuôn viên Trung Tâm Tu Học Viên Giác. Chỉ cách nhau một bức tường thôi, vậy mà hai khung cảnh thế giới hoàn toàn khác, chùa rất khang trang và sạch sẽ. Đoc đường đi khi bước lên chánh điện ở tầng ba, tôi để ý hầu hết các vật liệu xây dựng, hệ thống thông hơi, hệ thống chống cháy đều đạt tiêu chuẩn như ở bên Đức. Ngôi chùa này theo tôi biết do hai đệ tử lớn của Hòa Thượng Như Điển là Thầy Hạnh Tấn, Thầy Hạnh Nguyên phát nguyện xây dựng, làm lê động thổ từ cuối năm 1999, khi hai Thầy mới ngoài 30 tuổi, sau 3 năm xây cất đã hoàn tất. Trong ngày khánh thành, hai Thầy cung kính, dâng lên cúng dường Sư Phụ. Tấm gương làm việc Phật sự hết lòng, hết sức, không một toan tính, không ràng buộc, không bị chấp ngã và sẵn sàng buông bỏ. Sao tôi thấy giống hệt nguyên của Sư Ông Khánh Anh đến thế, đây mới là điều làm cho tôi hết sức kính phục.

Ai đã từng một lần về đất Phật, đều nhận thấy rằng ở đất Phật có cái rất lạ, chắc do gia trì của Phật, sự nghiệp hóa của Ngài, ai ai cũng chỉ thèm tu. Ngoài thời công phu khuya và khóa tu tịnh độ buổi chiều cùng cả đoàn, thời gian còn lại mỗi cá nhân chúng tôi đều tận dụng từng giờ, từng phút ngồi thiền, lễ lạy, tụng kinh, tam bộ nhất bái xung quanh bảo tháp. Đặc biệt mọi người trong đoàn dù mới gặp nhau lần đầu, nhưng ai ai cũng có tâm trạng an lạc, hoan hỷ luôn rộng lòng chia sẻ với nhau những hiểu biết và kinh nghiệm tu tập của mình.

Hôm thứ hai trên đất Phật mới là 3 ruồi sáng mà tôi đã tỉnh giấc, tôi đoán chắc Giác Linh Sư Ông đánh thức tôi dậy đó. Tôi tỉnh dậy lòng hoan hỷ, làm vệ sinh cá nhân thật nhanh, rồi đến trước di ảnh Giác Linh Sư Ông lê ba lạy, thỉnh nguyện: Sư Ông đi với con ra bảo tháp, cha con mình cùng công phu khuya, Sư Ông nhé !

Thời tiết đầu đông ở tiểu bang Bihar miền đông bắc Ấn Độ vào buổi sáng sớm khá lạnh, ra đến nơi mới biết phải đợi một tiếng nữa, vì đến 5 giờ sáng bảo tháp mới mở cửa. Thôi cũng là dịp may cho cha con tôi, có cơ hội quan sát một buổi sáng nhịp sống ở Bồ Đề Đạo Tràng bắt đầu ra sao ? tôi ngồi đó lần tràng hạt niệm Phật và thưởng thức cái tĩnh mịch của buổi sớm ban mai, phảng phất đâu đây hương thơm ngào ngạt như mùi hoa sữa, tự nhiên khoáng bốn giờ rưỡi sáng trên những tảng cây cổ thụ xung quanh bảo tháp, hàng ngàn con chim líu lo ca hát. Chắc kiếp nào tôi đã từng là loài chim, tôi hiểu rằng chúng đang tấu lên những bài ngợi ca công ơn đức Phật. chợt nhìn xuống cả đàn chó mây chục con đang nô đùa, tung tăng chạy quanh bảo tháp, có con mệt quá nằm lăn ra ngủ dưới chân tôi một cách vô tư, hồn nhiên. Tôi thầm nghĩ, những con chim và bầy chó này thật có phước, chúng có duyên sinh ra nơi đất Phật được sự che chở của Ngài, mới hưởng được sự bình an thế này. Chứ cũng kiếp đó, sinh ở Việt Nam chắc đã nằm trên lò nướng hoặc nằm trong nồi ướp giềng mẻ, mắm tôm ở các quán nhậu mất rồi. Chúng gặp tôi là may lấm đó, dẫu sao mình cũng là con Phật, họ Tam Quy Ngũ Giới rồi. Chứ không, gặp độ 2 thằng con cháu bác Hồ- những kẻ vô thần, có nghề cát trộm chó chuyên nghiệp ở Việt Nam gửi sang đây là xong đời rồi. Ơn Phật thật là vô biên, mình đã vậy ngay cả các loài vật dưới chân

Ngài cũng nhận được sự che trù bình an. Thế mới biết trên con đường tu tập hai yếu tố : bạn đạo và môi trường cảnh giới là vô cùng quan trọng đối với những người mới bước chân học đạo như tôi. Nói theo người đời : gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Chắc gần người tử tế, mình dễ học các đức tính để làm người tử tế chăng ? Tháp thoáng đâu đây đã có một vài người Ấn Độ bày hoa tươi ra bán cho du khách mua vào cúng Phật, một vài người ăn mày đã ngồi trong tư thế sẵn sàng mưu sinh cho cuộc sống cả ngày. Tôi đứng dậy hòa mình trong dòng người đi vào bảo tháp công phu khuya. Không quy định nhưng đã thành thói quen từ lâu. Tăng sĩ và Phật tử Việt Nam mỗi khi về đây thường công phu khuya dưới gốc cây Bồ Đề sau bảo tháp.

Hôm mới lên đường, nhiều người đã cảnh báo cho tôi biết đất nước Ấn Độ rất nghèo, bẩn và bụi. Nhưng họ không biết rằng Ấn Độ còn là thiên đường cho tất cả các loài động vật vì ở đây chúng không bị xua đuổi, giết hại và luôn chung sống đoàn kết với loài người. Ngày thứ ba trên đất Phật, chúng tôi được Thầy dẫn đi viếng thăm vườn Trúc Lâm, đại học Nalanda (*trường đại học Phật Giáo đầu tiên trên thế giới*) và núi Linh Thứu nơi Đức Phật giảng các bộ kinh đại thừa : Đại Bát Nhã Ba La Mật, Diệu Pháp Liên Hoa, Vô Lượng Nghĩa... Nghe những người đi trước kể lại : trước đây đường đi lên núi Linh Thứu khá gồ ghề đá sỏi khó đi, mấy năm gần đây nhờ Nhật Bản đầu tư xây dựng đường lên đỉnh núi đã được tu bổ lát gạch, rộng độ hơn 2 m. Cả đoàn phát nguyện : ai có sức thì lạy tam bộ nhất

bái, còn không đủ sức : thì tam bộ niệm Phật. Cũng chính nơi đây mọi người mới biết Phật và Giác Linh Sư Ông Khánh Anh linh thiêng biết chừng nào, trong số 23 cư sỹ trong đoàn chỉ có tôi, anh Thạnh và em Vân là 3 ưu bà tắc. Anh Thạnh yếu lăm đăm về hưu non, ngày thường không nhắc nổi vật nặng quá 7 kg, nhiều khi đi phải bám vào vợ, còn em Vân từ Việt Nam qua, trước lúc đi hành hương Ấn Độ bị tai nạn xe máy gãy tay vẫn còn rất đau nhức. Vậy mà khi đến chân núi Linh Thứu, anh đã cùng tôi phát nguyện tam bộ nhất bái. Tôi bảo : thôi được, vậy chị Trinh (vợ anh) đi bên cạnh, ôm di ảnh Giác Linh Sư Ông Khánh Anh vừa đi tam bộ niệm Phật, niệm Giác Linh Sư Ông hộ trì cho anh Thạnh nhé ! Chúng tôi vừa lay, vừa niệm to hòng danh Phật, Bồ Tát, Giác Linh Sư Ông Khánh Anh gia hộ. Dọc đường đón và động viên chúng tôi là những người ăn mày Ấn Độ nghèo khổ, chắc họ biết mình là những phật tử Việt Nam, họ đồng thanh niệm Nam Mô A Di Đà Phật rất rõ. Từng bước chân, từng ý niệm tôi chỉ biết âm thầm hồi hướng công đức này đến cho họ, mong họ phát tâm tu tập để thoát khỏi kiếp ăn mày.

Thật kỳ diệu làm sao, sau hơn 3 tiếng đồng hồ dưới cái nắng trang trang ngọt ngào, sau khoảng hơn 640 lạy anh đã cùng tôi có mặt trên đỉnh núi (*hương thất của Đức Thế Tôn*). Thế mới biết trên con đường tu học, yếu tố phát tâm là quan trọng hàng đầu. Chị Trinh cứ trầm trồ tán thán cảm tạ Phật, Giác Linh Sư Ông Khánh Anh đã giúp cho chồng chị làm được những điều kỳ diệu như vậy. Đặt di



Chụp hình lưu niệm sau lễ Quy Y Tam Bảo tại chùa Khánh Anh ngày 16/2/2014.

ảnh Giác Linh Sư Ông trên đỉnh núi giữa một khoảng trời bao la, tiếng tụng kinh niệm Phật của cả đoàn vang vọng cao xa. Tôi chỉ biết xin Phật, Bồ Tát, Giác Linh Sư Ông chứng minh lòng thành, gia hộ cho chúng tôi nghiệp chướng tiêu tan, vọng tưởng biến mất, có nhiều định lực trên con đường tu tập. Dọc đường xuống chúng tôi dừng chân vào thăm thạch thất đơn sơ của Ngài A Nan Đà (*dệ nhất Đa văn*), ngài Xá lợi Phật (*dệ nhất Trí tuệ*), Mục Kiền Liên (*dệ nhất Thần thông*) và ngài Ca Diếp đều là các đệ tử lớn của Đức Phật. Nghĩ mà rót nước mắt, thấy kính phục cuộc sống giản dị của Đức Phật và các đệ tử của Ngài, thấy hổ thẹn cho mình. Khi xuống núi, em Vân cứ xin ôm ảnh Giác Linh Sư Ông vào lòng, để Sư Ông gia hộ cho sức khỏe, quả thật suốt hơn 10 ngày còn lại, em Vân hết đau và tham gia các sinh hoạt với đoàn rất hoan hỷ, đầy đủ.

Bảy ngày sau, đoàn chúng tôi tạm chia tay Bồ Đề Đạo Tràng hẹn gặp lại nơi đây những ngày cuối. Hướng tiếp theo xe Bus đưa chúng tôi tới chiêm bái - Câu Thi La (*Kushinarga*) nơi Đức Phật nhập niết bàn. Thời gian ngồi trên xe Bus cũng là dịp cho cả đoàn tu tập. Hai ngày đầu chúng tôi được Hòa Thượng Huệ Minh cho trì tụng trọn bộ kinh Thủy Sám. Sau hai ngày hai đêm với chặng đường hơn 450 km, đoàn chúng tôi đã đặt chân đến Câu Thi La. Đến với thánh tích Kushinarga này, chúng tôi được chiêm bái hai nơi linh thiêng nhất : nơi đức Phật nhập niết bàn và nơi diễn ra lễ trà tỳ kim thân của Đức Thế Tôn. Nơi đức Phật nhập niết bàn bây giờ là một bảo tháp được xây dựng vào năm 1956, trên nền của một ngôi chùa cổ cũ, trong đó có một pho tượng đá tạc dáng Ngài nằm nhập niết bàn dài hơn 6 m, do một Tăng sĩ thực hiện, vào khoảng thế kỷ thứ năm sau công nguyên. Tại đây chúng tôi dâng y, đánh lề nhiều quanh pho tượng Phật nhập Niết bàn. Nhìn đoàn người nối đuôi nhau vào đánh lề, đi nhiễu Phật lòng tôi buồn và tủi thân vô hạn, cha con tôi là những kẻ thiếu phước, sinh ra muộn màng không có duyên gặp Phật, nên số phận mới long đong thế này. Tôi chợt nhớ bài thơ của ngài Huyền Trang, viết khi ngài đến Ấn Độ du học, thỉnh kinh, sao mà xúc động đến thế :

**Phật tại thế thời ngã trầm luân
Kim đặc nhân thân Phật diệt độ
Ảo não tự thân đa nghiệp chướng
Bất kiến như lai kim sắc thân.**

(khi Phật có mặt trên đời này con còn trầm luân trôi nổi ở nơi đâu, khi con được làm người ở cõi này thì Phật đã nhập diệt, con quá buồn tủi vì bản thân nghiệp chướng nhiều, nên không được diện kiến sắc thân của Như Lai).

Hình ảnh này làm tôi nhớ lại, suốt 13 ngày tang lễ của Sư Ông Khánh Anh, Giác Linh Đường nơi đặt Kim Quan không bao giờ ngớt tiếng niệm Phật. Tôi có duyên được đứng hầu Kim Quan Sư Ông. Mà lạ lẫm, sau tang lễ tôi còn được lau chùi nơi đặt Kim Quan của người, vẫn ngào ngạt mùi hương thơm tỏa ra.

Ra đến ngoài gặp hai cây Ta La Song thọ, tôi vội trách : sao Sư Ông lại Cao Đăng Phật Quốc sớm vậy ? thường thường trong các khóa tu học Phật Pháp Châu Âu trước đây, mặc dù bận công tác tổ chức, nhưng bao giờ Sư Ông cũng lên lớp 2 giảng pháp cho chúng tôi nghe. Mấy năm đó tôi được nghe **Sư Ông giảng bộ kinh Di Giáo** (bô kinh cuối cùng của Đức Phật trước khi Ngài nhập niết bàn) trong đó Sư Ông giảng rất kỹ hình ảnh hai cây Ta La Song Thọ. Thực tình ngày đó tôi nghe chỉ biết vậy, biết gì đâu để mà hỏi. Nay được đến tận nơi sở thi, biết chút chút muốn hỏi, thì Sư Ông đã Cao Đăng Phật Quốc !

Tạm biệt Câu Thi La, đoàn chúng tôi sang Nepal để đi thăm vườn Lâm Tỳ Ni (*Lumbini*) nơi đức Phật đản sanh. Chúng tôi đến biên giới Ấn Độ - Nepal qua cửa khẩu Sonauli vào buổi chiều tà, khi hàng quán bên đường bắt đầu dọn dẹp, sau hơn 3 tiếng chờ đợi, với ít lẻ phí bô trọn như ở Việt Nam, cả đoàn đã có visa. Vườn Lâm Tỳ Ni cách biên giới Ấn Độ khoảng 40 km. Hai đêm ở vườn Lâm Tỳ Ni cả đoàn tá túc ở ngôi chùa Việt Nam Phật Quốc Tự của Hòa Thượng Huyền Diệu, từ ngôi chùa này đi bộ lững thững khoảng 20 phút chúng tôi đã vào khuôn viên của vườn Lâm Tỳ Ni, khi chúng tôi đến khu vực này đang được tu sửa mới, để bảo tồn tính nguyên thủy, giữ cho sự thanh tịnh tại thánh địa, xung quanh chính phủ Nepal chỉ cho phép xây dựng các tu viện chùa chiền Phật giáo, cấm chỉ xây dựng khách sạn nhà hàng. Nhớ lại buổi tối đầu tiên ở vườn Lâm Tỳ Ni, đoàn tá túc tại chùa Việt Nam Phật Quốc Tự, đón chúng tôi là chị D.T - người trông nom toàn bộ ngôi chùa khi Thầy trụ trì vắng mặt, những phút đầu gặp gỡ chị phổ biến những quy định khá nghiêm ngặt và dài dòng. Tâm lý chung sau 5 ngày liên tục ngồi xe Bus, mọi người trong đoàn ai ai cũng mệt muốn đi nghỉ sớm, loáng thoảng đâu đây tôi

đã được nghe những tiếng đói thoại có tần số hơi cao. Thầy Đồng Văn rất nhanh chỉ vào tôi, phong cho tôi chức trưởng đoàn bất đắc dĩ, để làm người đại diện tiếp nhận những lời huấn thị của chị. Quả thật khi nghe những lời nghiêm khắc, tôi hơi nỗi sân và có mặc cảm với chị. Thường ngày tôi là người nóng tính. Lạ thay, tự nhiên vắng vắng bên tôi, nụ cười và lời nhắc nhở nhẹ nhàng của Giác Linh Sư Ông : Quảng Trực con, hãy cẩn thận trước khi đánh giá nhận xét một con người ! Tâm sân trong tôi biến mất, đức tính nhẫn nhục, nhẫn耐 của Sư Ông đâu đó hiện về, tôi âm thầm nhắc mọi người làm đúng theo những điều quy định mà chị D. T đã yêu cầu. Đêm hôm đó mặc dù đã khuya, lúc chị D. T. bấm đèn pin đi kiểm tra nhà bếp, trai đường chị thấy tất cả sạch sẽ, gọn gàng. Đặc biệt chị còn bắt gặp hình ảnh em Yến (nguyên là phóng viên báo chí), một thành viên trong đoàn vẫn đang âm thầm lau sàn. Tự nhiên sáng hôm sau, mọi người trong đoàn ai ai cũng ngạc nhiên, thái độ chị khác hẳn, rất vui vẻ cởi mở, tự tay chị pha trà mời quý Thầy, quý Cô và chiêu đãi cả đoàn bánh đậu xanh đặc sản của tỉnh Hải Dương. Sau này khi hỏi thăm hóa ra chị cũng ở gần nhà tôi, chị là Việt Kiều trí thức bên Tân Tây Lan đang viết luận án tiến sỹ sinh học. Đến đây tôi mới thầm thía lời dạy của Sư Ông : trên con đường tu học, lúc nào các con cũng nên chỉ thấy lỗi của mình, nên giữ thái độ hối quang, phản chiếu trong nội tâm.

Cuộc đời có những sự trùng lặp huyền bí khó lý giải, trước khi đi hành hương tôi có nhận được thư của Thầy Quảng Đạo và Ni Sư Diệu Trั̂m, mời sang chùa Khánh Anh dự lễ 100 ngày của Sư Ông. Nhìn tấm lịch treo tường, tôi biết mình thất hứa mất rồi, chả là đúng ngày đó chúng tôi đang có mặt trên đất Phật. Trong thâm tâm, tôi tâm sự với Giác Linh Sư Ông : Sư Ông ơi ! đúng lê 100 ngày của Sư Ông con không sang được chùa Khánh Anh đâu nhé ! Vì con đi hành hương mà, thôi thì đúng lê 100 ngày Sư Ông ở đâu, con sẽ làm lê cùng Sư Ông ở đó. Chuyện thật lạ, không hẹn mà nêu, cả cuộc đời Sư Ông luôn lo phung sự cho Tam Bảo, và xây dựng Tăng Đoàn, thì đúng ngày đó đoàn chúng tôi với di ảnh Giác Linh Sư Ông đi cùng, về đến vườn Lộc Uyển (*Sanarth*). Nơi đây Đức Phật chuyển pháp luân, giảng bài pháp đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như. Cũng chính nơi đây đánh dấu sự hình thành ngôi

Tam Bảo và Tăng đoàn. Sự trùng lặp kỳ lạ này tôi tin Phật, và Bồ Tát muôn vây. Viết đến đây, tôi muốn kể cho mọi người câu chuyện lạ lùng : Trước lúc đến vườn Lộc Uyển, đoàn chúng tôi đã thăm, làm lễ trên sông Hằng, vì 4 giờ sáng hôm đó chúng tôi đã đến thành phố Sanarth. Anh Manis thuê cho đoàn một chiếc thuyền, để chúng tôi làm lễ cầu siêu, thả đèn hoa đăng trên sông Hằng do Hòa Thượng Huệ Minh làm chủ lễ, với sự chứng minh của Giác Linh Sư Ông Khánh Anh. Sau hơn hai tiếng làm lễ, lúc đó khoảng gần 6 giờ 30 phút sáng, mặt trời bắt đầu mọc. Tính đến hôm nay, tôi là người duy nhất trong đoàn sau 7 ngày đi chiêm bái (*ngủ muộn dậy sớm, ăn ít đi nhiều*) mà không bị ốm, lúc đó thuyền vẫn bơi giữa sông, tôi tỏ ra dáng phong trần, đứng đâu mũi thuyền tay ôm di ảnh Giác Linh Sư Ông trước ngực, niệm Nam Mô A Di Đà Phật và tụng chú Vãng Sanh rất to, kỳ lạ thay có một đàn chim Hải Âu khoảng mấy trăm con, bay lượn mấy vòng trên đầu theo hình chữ hý-xá, líu lo ca hát, mà chỉ trên chiếc thuyền của Đoàn. Mặc dù lúc đó tôi để ý xung quanh mình có rất nhiều con thuyền của các đoàn hành hương khác. Nhìn cách trang phục, tôi đoán họ là những người đi thăm hiểm thiên nhiên, còn chúng tôi là đoàn đi thăm hiểm về tâm linh. Chắc nhò lời kinh, lòng thành kính của mọi người cùng đức độ từ bi, uy lực của Giác Linh Sư Ông Khánh Anh và Hòa Thượng Huệ Minh nên được chư vị Phật, chư vị Bồ Tát cảm ứng chăng ? Thực tình mà nói, lúc tưởng nhớ lễ 100 ngày của Sư Ông trong Vườn Lộc Uyển chúng tôi chỉ có nén tâm hương dâng lên Phật, Bồ Tát và Giác Linh Sư Ông mà thôi. Tôi thì thầm với Giác Linh Sư Ông : vì điều kiện không cho phép, thôi để ngày mai về đến Bồ Đề Đạo Tràng con sẽ cùng mọi người làm cỗ cúng Phật và Sư Ông nhé ! Đoạn đường từ Sanarth trở về Bồ Đề Đạo Tràng khoảng 240 km khá đẹp, xe chạy khoảng 7 tiếng chúng tôi đã trở về thánh địa này. Theo kế hoạch chúng tôi sẽ làm nốt hai công việc cúng dường Trai Tăng trong Bảo Tháp, và chẩn bần (*phát quà cho những người nghèo*). Sáng hôm sau, sau thời khóa công phu khuya tại bảo tháp, tôi phát nguyện làm lễ xuống tóc, để tưởng nhớ, thọ tang Sư Ông nhân lễ 100 ngày của người (*từ khi Sư Ông mất, đây là lần thứ hai tôi xuống tóc thọ tang*). Lúc làm lễ xuống tóc tại bảo tháp có Phật, Bồ Tát, Giác Linh Sư Ông chứng minh. Tôi vẫn nghe vang vang đâu đây tiếng nói



Các em Oanh Vũ Gia Đình Phật Tử Quảng Đức xin kính mời quý ông bà, quý cô bác, quý anh chị ủng hộ hái lộc đầu năm Xuân Giáp Ngọ 2014.

nhe nhàng của Sư Ông khi người đến thăm chúng tôi, lần đầu và cũng là lần cuối vào buổi tối dương lịch trước khi tiễn người ra sân bay trở về Pháp hôm 1.1.2013 : *lần sau Sư Ông đến, nhà con thành ngôi chùa! Nghĩ mà nhớ da diết trong lòng.*

Sau hơn hai tuần hành hương trên đất Phật tôi nhận ra một điều : Đức Phật là con người có thật, chứ không phải là con người trong huyền thoại hay trong chuyện cổ tích. Là con Phật, mỗi chúng ta nên mơ ước ít nhất một lần trong đời được về đất Phật, được đi chiêm bái các thánh tích Phật Giáo. Đi rồi ta sẽ nhận thấy Đức Phật rất gần gũi với mình. Biết các địa danh thánh tích rồi, tự nhiên khi tụng kinh, sao ta thấy lời kinh gần gũi vậy. Muốn thế phải phát tâm tu tập, gieo duyên thật nhiều với các chư vị Phật, chư vị Bồ Tát dù ở bất cứ hình thức nào. Nói không quá lời : dù là vật vô tri vô giác, dù chỉ là một hòn sỏi, hay một nắm đất ở nơi đất Phật sao ta thấy nó có giá trị, linh thiêng một cách lạ thường. Mỗi chúng ta chỉ khác nhau ở một điểm : niềm tin và sự tinh tấn tu tập mà thôi.

Riêng với chúng tôi chuyến đi này là lần đầu, nhưng hy vọng nó sẽ mở cho chúng tôi những chuyến đi lần sau, và mãi mãi về sau chỉ một con đường không ngoài ba chữ :

Về Với Phật !

Mong mỏi lăm thay !

Thành phố Ingolstadt - Tây Đức
những ngày cuối năm 2013.

Quảng Trực - Diệu Hải

Xa Gần

Có một vị hiền triết đã hỏi các đệ tử rằng : - Tại sao trong cõi giận dữ người ta thường phải hét thật to vào mặt nhau ?

Sau một lúc suy nghĩ, một trong những đệ tử ấy đã trả lời : - Bởi vì người ta mất bình tĩnh, mất tự chủ !

Vị hiền triết không đồng ý với câu trả lời, ngài bảo : - Nhưng tại sao phải hét lén trong khi cả hai đang ở cạnh nhau, tại sao không thể nói với một âm thanh vừa phải đủ nghe ?

Các đệ tử lại phải ngẫm nghĩ để trả lời nhưng không có câu giải thích nào khiến vị thầy của họ hài lòng. Sau cùng ông bảo : - Khi hai người đang giận nhau thì trái tim của họ đã không còn ở gần nhau nữa. Từ trong thâm tâm họ cảm thấy giũa họ và người kia có một khoảng cách rất xa, nên muốn nói cho nhau nghe thì họ phải dùng hết sức bình sinh để nói thật to. Sự giận dữ càng lớn thì khoảng cách càng xa, họ càng phải nói to hồn để tiếng nói của họ bao trùm khoảng cách ấy.

Ngưng một chút, ngài lại hỏi : - Còn khi hai người bắt đầu yêu nhau thì thế nào ? Họ không bao giờ hét to mà chỉ nói nhỏ nhẹ, tại sao ? Bởi vì trái tim của họ cận kề nhau. Khoảng cách giữa họ rất nhỏ...

Rồi ngài lại tiếp tục : - Khi hai người ấy đã yêu nhau thật đậm đà thì họ không nói nữa, họ chỉ thi thầm, họ đã đến rất gần nhau. Cuối cùng ngay cả thi thầm cũng không cần thiết nữa, họ chỉ cần đưa mắt nhìn nhau, thế thôi ! Vì qua ánh mắt đó họ đã biết đối phuông nghĩ gì, muốn gì.

Ngài kết luận : - Khi các con bắn cãi với nhau về một vấn đề, phải giữ trái tim của các con lúc nào cũng cận kề. Đừng bao giờ thoát ra điều gì khiến các con cảm thấy xa cách nhau... Nếu không thì có một ngày khoảng cách ấy càng lúc càng rộng, càng xa thì các con sẽ không còn tìm ra được đường quay trở về nữa !